

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HS-ST
Ngày 18 tháng 01 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Điền

Bà Nguyễn Thị Tàn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Phạm Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã đưa ra xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2020/TLHS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ tên: Bùi Thế D - sinh ngày 26/02/1984; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 35A, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân Công ty điện lực Phú Thọ; Con ông Bùi Anh T, sinh năm 1952; Nghề nghiệp: Hưu trí, trú tại: Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Thọ và con bà Hoàng Thị Thu T2, sinh năm 1954; Nghề nghiệp: Hưu trí, trú tại: Tổ 35A, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ; Anh chị em ruột: gia đình có 4 người, bị cáo là thứ tư; Vợ: Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1984; Lao động tự do; Con: Có 01 con, sinh năm 2011; Vợ, con đều trú tại: Tổ 35A, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. Tiền án; Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 11/9/2020. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại phường C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu 5, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. Xin xét xử vắng mặt.

2/ Chị Lê Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu Phan CT, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt

3/ Anh Trần Đại L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 32, phố TP, phường Tiên Cát, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt

4/ Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu 1, xã L, thị xã T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1991 có đơn tố cáo Bùi Thế D có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cùng ngày 08/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Thế D thu giữ vật chứng: 01 giấy bán xe đề ngày 01/9/2020, người bán xe là Nguyễn Ngọc A (bản chính); 01 giấy bán xe đề ngày 26/6/2020, người bán xe là Nguyễn Ngọc A (bản chính); 01 giấy bán xe đề ngày 19/7/2020, người bán xe là Nguyễn Ngọc A (bản chính); 01 giấy bán xe đề ngày 27/6/2019, người bán xe là Nguyễn Ngọc A (bản chính); 01 giấy bán xe đề ngày 11/9/2019, người bán xe là Bùi Văn Thiện ở Sơn Vi - Lâm Thao - Phú Thọ (bản chính); 01 giấy vay tiền đề ngày 28/10/2019, người vay là Nguyễn Ngọc A (bản chính); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 037774 mang tên Lê Thị H, địa chỉ: Khu 21, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, BKS: 19B1- 505.08 (bản chính); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 037773 mang tên Lê Thị H, địa chỉ: Khu 21, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, BKS: 19B1- 507.89 (bản chính); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu trắng, BKS: 19B1-507.89; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150 i, BKS: 19B1-505.08; 01 giấy chứng nhận giữ bản chính đăng ký xe ô tô ngày 21/11/2019 của ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng (Bản chính); 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024660, chủ xe là Nguyễn Hùng Mạnh ở Đoàn Kết, Tiên Cát – T, xe ô tô BKS: 19A-170.29 (Bản sao chứng thực); 01 giấy chứng nhận kiểm định số: 1742533 đối với xe ô tô BKS: 19A-170.29 (Bản chính); 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS số: BB200240350, chủ xe là Nguyễn Hùng Mạnh (Bản chính); 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyn Dai i 10, BKS: 19A-170.29.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Thế D khai nhận: Do tiết kiệm được một khoản tiền từ lương của hai vợ chồng và bố mẹ cho, trong thời gian từ ngày 27/6/2019 đến ngày 11/9/2020, Bùi Thế D đã cho vay lãi nặng để kiếm lời bất chính với thủ đoạn hoạt động như sau: Khi khách có nhu cầu đến vay tiền thì phải có tài sản thế chấp

(xe máy hoặc xe ô tô) và phải tự viết giấy bán xe cho D, kèm giấy tờ, sau đó ký tên, đây chỉ là phương thức, thủ đoạn để D cho vay tiền, không phải là mua, bán xe thật. Khi khách vay viết xong các thủ tục do D yêu cầu và đồng ý với mức lãi suất theo thỏa thuận từ 3000đ/1 triệu/1 ngày trở lên, D sẽ giao tiền và sẽ cắt lại lãi của tháng đầu tiên. Khách vay trực tiếp đến nhà trả tiền lãi cho D hoặc chuyển khoản cho D qua số tài khoản: 19027667738012 của ngân hàng Techcombank, tiền lãi thu được D sử dụng vào mục đích tiêu sài cá nhân.

Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì mức lãi suất trong giao dịch dân sự giữa các bên cho vay không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Theo tỷ lệ này, mức lãi suất không được vượt quá tương đương với mức 1,66667%/tháng của khoản tiền vay, và tương đương với mức lãi 0,055556%/1 ngày của khoản tiền vay.

Theo quy định của Điều 201 Bộ luật hình sự, thì: “Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000đ..... thì bị phạt tiền...”.

Để xử lý tội phạm theo Điều 201 BLHS thì cần đạt 02 điều kiện:

Điều kiện thứ nhất: Mức lãi suất cho vay gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS, tức là $5 \times 20\%/năm = 100\%/năm$, tương đương mức 8,3333%/1 tháng; tương đương 0,27777%/ ngày. Nếu vượt quá mức lãi suất nêu trên là đạt vi phạm điều kiện thứ nhất. Việc cho người khác vay với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày (gấp 5,4 lần so với quy định) đã đủ điều kiện vi phạm điều kiện thứ nhất để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều kiện thứ hai: Thu lợi bất chính từ 30.000.000đ..., tức là khi đã đạt điều kiện thứ nhất, mức lãi suất từ trên 20%/năm trở lên, số tiền thu lời vượt quá 20%/năm mà đạt từ 30.000.000đ trở lên là đạt vi phạm điều kiện thứ hai.

Từ các căn cứ pháp luật nêu trên, Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Phú Thọ đã chứng minh trong khoảng thời gian từ ngày 27/6/2019 đến ngày 11/9/2020, Bùi Thế D đã 03 lần cho Nguyễn Ngọc A vay lãi nặng, hành vi phạm tội của Bùi Thế D cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 27/6/2019, Bùi Thế D cho Nguyễn Ngọc A vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất 3000đ/1 triệu/1 ngày, hình thức vay thế chấp 02 xe máy SH, BKS: 19B1-505.08; 19B1-507.89 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe và viết giấy bán xe cho D để làm tin. Hai chiếc xe máy trên là Nguyễn Ngọc A thuê với giá thỏa thuận của chị Lê Thị H sinh năm 1987, trú tại: khu Phan Chu Trinh, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. Khi giao xe, chị Huyền có giao giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy của 02 chiếc xe máy trên cho Nguyễn Ngọc A. Hàng tháng, Ngọc Anh vẫn trả tiền thuê xe đầy đủ cho chị Huyền. Nguyễn Ngọc A đã trả cho D tiền lãi đến hết tháng 8/2020 là 14 tháng với tổng số tiền 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng), trong đó:

- Số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự là: 58.334.500đ;
- Số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 256.665.500đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi năm nghìn, năm trăm đồng);

Hiện nay, Nguyễn Ngọc A chưa thanh toán số tiền gốc là: 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) cho Bùi Thế D.

Lần 2: Ngày 26/6/2020, D cho Nguyễn Ngọc A vay số tiền 200.000.000đ với lãi suất 3000đ/1 triệu/1 ngày, hình thức vay thế chấp xe ô tô I10 BKS: 19A-170.29 và viết giấy bán xe cho D để làm tin. Chiếc xe này, Nguyễn Ngọc A thuê với giá thỏa thuận của anh Trần Đại L, sinh năm 1985, trú tại: Tổ 32, phố Tiên Phong, phường Tiên Cát, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. Khi giao xe cho Nguyễn Ngọc A, anh La có giao cho Anh toàn bộ các giấy tờ của xe như: 01 giấy chứng nhận giữ bản chính đăng ký xe ô tô ngày 21/11/2019 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024660, chủ xe là Nguyễn Hùng Mạnh ở phố Đoàn Kết, phường Tiên Cát, thành phố T, tỉnh Phú Thọ và một số giấy tờ khác của xe. Hàng tháng, Nguyễn Ngọc A vẫn trả tiền thuê xe đầy đủ cho anh La. Nguyễn Ngọc A đã trả được cho D tiền lãi 03 tháng với tổng số tiền 54.000.000đ, trong đó:

- Số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự là: 10.000.200đ;
- Số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 43.999.800đ;

Hiện nay, Nguyễn Ngọc A chưa thanh toán số tiền gốc là: 200.000.000đ cho Bùi Thế D.

Lần 3: Ngày 19/7/2020, D cho Nguyễn Ngọc A vay số tiền 550.000.000đ với lãi suất 3000đ/1 triệu/1 ngày, hình thức vay thế chấp xe ô tô Hyundai BKS: 30E-548.91 có đầy đủ giấy tờ xe như 01 bản thể chấp ngân hàng, bảo hiểm, đăng kiểm và viết giấy bán xe để làm tin. Chiếc xe này Nguyễn Ngọc A thuê xe tự lái của anh Hoàng Văn Q sinh năm 1990, trú tại: Khu 1, xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Ngày 30/7/2020, Nguyễn Ngọc A đã mượn lại Bùi Thế D chiếc xe trên cùng toàn bộ giấy tờ của xe về để trả lại cho anh Quyết. Quá trình thuê xe, Nguyễn Ngọc A đã trả tiền thuê xe đầy đủ cho anh Quyết, anh Quyết đã nhận lại xe và không có đề nghị gì. Nguyễn Ngọc A đã trả được cho D tiền lãi 01 tháng với số tiền 49.500.000đ, trong đó:

- Số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 9.166.850đ;
- Số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 40.333.150đ;

Hiện nay, Nguyễn Ngọc A chưa thanh toán số tiền gốc là: 550.000.000đ cho Bùi Thế D.

Như vậy, xác định số tiền thu lời bất chính của D trong vụ án này là: 340.998.450đ;

Quá trình điều tra xác định: Khi Nguyễn Ngọc A thỏa thuận với Bùi Thế D về việc vay tiền, mức lãi xuất, cách thức trả tiền nợ lãi và nợ gốc bằng hình thức trả tiền mặt trực tiếp cho D hoặc Ngọc Anh chuyển khoản tiền lãi từ tài khoản của Ngọc Anh tại Ngân hàng VPbank, số tài khoản 191.616.332 đến tài khoản 19027667738012 của Bùi Thế D tại Ngân hàng Techcombank. Ngọc Anh trả lãi đầy đủ cho Bùi Thế D cho đến hết tháng 7/2020 thì không còn khả năng trả lãi, nợ gốc. Theo lời khai của Ngọc Anh, D nhiều lần gọi điện, nhắn tin cho Ngọc Anh yêu cầu trả tiền gốc và lãi cho D nhưng Ngọc Anh không có tiền trả nên đã làm đơn tố cáo hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của D đến Cơ quan Công an như đã nêu trên.

Quá trình điều tra xác minh những tờ giấy vay tiền và bán xe còn lại tạm giữ trong quá trình khám xét tại chỗ ở của D xác định:

Đối với Giấy vay tiền đề ngày 28/10/2019, nội dung Nguyễn Ngọc A vay Bùi Thế D số tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng): Nguyễn Ngọc A và Bùi Thế D xác định: Đây là số tiền Ngọc Anh vay của D trong thời gian một ngày nên D không lấy lãi, số tiền vay này Nguyễn Ngọc A đã trả cho D vào ngày hôm sau. Tuy nhiên, do quên nên D chưa hủy tờ giấy vay tiền này.

Đối với Giấy bán xe đề ngày 01/9/2020, nội dung Nguyễn Ngọc A bán cho anh Trần Ngọc Long 01 xe ô tô mazda3, màu sơn trắng, BKS: 19A-171.59 với số tiền 400.000.000đ: đây là giấy do Ngọc Anh viết để vay tiền D, nhưng do D không có tiền nên bảo Ngọc Anh viết bán xe cho một người tên là Trần Ngọc Long. Vì Nguyễn Ngọc A không mang xe ô tô đến để thế chấp nên không vay được tiền, Ngọc Anh bỏ lại tờ giấy bán xe ở nhà D và gọi điện nhờ D hủy nhưng D vẫn giữ chưa hủy.

Đối với Giấy bán xe đề ngày 11/9/2019, nội dung Bùi Văn Thiện, sinh năm 1992 ở xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ bán xe cho cho Bùi Văn D, việc viết giấy bán xe chỉ là làm tin để D cho Thiện vay số tiền 100.000.000đ, theo bị cáo D trình bày: D cho Thiện vay tiền nhưng không lấy lãi, Thiện đã trả cho D số tiền vay trên, tuy nhiên D vẫn giữ lại giấy bán xe do Thiện viết. Qua xác minh, Bùi Văn Thiện vắng mặt tại địa phương, không xác định được đi đâu, làm gì. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Thế D thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 86/CT-VKS-P2 ngày 25 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phú thọ truy tố bị cáo Bùi Thế D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo: Bùi Thế D phạm tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”;

Về điều luật và hình phạt:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thế D từ 250.000.000đ đến 300.000.000đ;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 468 và Điều 589 Bộ luật dân sự, đề nghị:

Thu hồi số tiền 77.501.550đ của bị cáo D do thu lời bất chính (là khoản tiền lãi dưới 20%) để tịch thu sung quỹ Nhà nước

Thu hồi số tiền 1.000.000.000đ của anh Nguyễn Ngọc A (là khoản tiền gốc Anh vay của Bùi Thế D) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Bùi Thế D phải hoàn trả lại (là khoản tiền lãi vượt quá 20%) cho anh Nguyễn Ngọc A số tiền 340.998.450đ.

Xác nhận bị cáo D đã nộp 250.000.000đ khắc phục hậu quả và được trừ vào khoản tiền thu lời bất chính 77.501.550đ; Số tiền 172.498.450đ còn lại được trừ vào khoản tiền trả lại cho anh Nguyễn Ngọc A. Bị cáo D còn phải trả lại cho anh Nguyễn Ngọc A 168.500.000đ.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án không thi hành án, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.

Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã trả lại cho chị Lê Thị H theo biên bản trả lại tài sản ngày 24/10/2020 gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 037774 mang tên Lê Thị H, địa chỉ: Khu 21, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, BKS: 19B1- 505.08 (bản chính); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 037773 mang tên Lê Thị H, địa chỉ: Khu 21, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, BKS: 19B1- 507.89 (bản chính); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu trắng, BKS: 19B1-507.89; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150 i, BKS: 19B1-505.08

Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã trả lại cho anh Trần Đại L: 01 giấy chứng nhận giữ bản chính đăng ký xe ô tô ngày 21/11/2019 của ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng (Bản chính); 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024660, chủ xe là Nguyễn Hùng Mạnh ở Đoàn Kết, Tiên Cát – T, xe ô tô BKS: 19A-170.29 (Bản sao chứng thực); 01 giấy chứng nhận kiểm định số: 1742533 đối với xe ô tô BKS: 19A-170.29 (Bản chính); 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số: BB200240350, chủ xe là Nguyễn Hùng Mạnh (Bản chính); 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyn Dai i 10, BKS: 19A-170.29. Theo biên bản trả lại tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ và anh Trần Đại L ngày 24/10/2020.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Bùi Thế D đã khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 06/2019 đến tháng 9/2020, đã có hành vi cho anh Nguyễn Ngọc A - sinh năm 1991, ở khu 5, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ vay tiền với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Số tiền Ngọc Anh vay làm nhiều lần, tính đến thời điểm tháng 8/2020, Ngọc Anh đã trả cho Bùi Thế D tổng số tiền lãi là: 418.500.000đ tiền lãi, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự (dưới 20%): 77.501.550đ; số tiền lãi vượt quá 20% đối với khoản vay (tiền thu lãi bất chính) là: 340.998.450đ. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã xác định: Hành vi của bị cáo Bùi Thế D cho người khác vay tiền với lãi suất cao, mức: 3.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 0,3%/1 ngày, vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật hình sự (0,27777%/ngày); thu lãi bất chính trên 30.000.000đ (vượt quá khoản tiền vi phạm từ 20%/năm trở lên của khoản vay). Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 201 Bộ luật Hình sự thì hành vi của bị cáo Bùi Thế D đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng quy định của pháp luật.

Điều 201 Bộ luật Hình sự: Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000đ trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[2] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Trước tình hình loại tội phạm này có chiều hướng tăng và diễn biến phức tạp, do vậy phải xét xử nghiêm, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Bị cáo Bùi Thế D chưa có tiền án, tiền sự. Do hám lời nên bị cáo đã phạm tội nên cần phải xử phạt mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, xong khi lượng hình cần xem xét tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ như quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã nộp số tiền 250.000.000đ để khắc phục hậu quả và trả lại cho người có quyền lợi liên quan, bị cáo có mẹ đẻ là bà Hoàng Thị Thu Thạch được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do bị cáo phạm vào tội phạm ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền và các hình phạt bổ sung khác đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Số tiền bị cáo do thu lợi bất chính (là khoản tiền lãi dưới 20%) cần để tích thu sung quỹ Nhà nước.

Cần buộc anh Nguyễn Ngọc A phải nộp lại số tiền gốc 1.000.000đ (là khoản tiền gốc Anh vay của Bùi Thế D) để tích thu sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo phải trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khoản tiền lãi vượt quá 20% theo quy định của pháp luật.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo Bùi Thế D nộp số tiền 250.000.000đ, tại phiên tòa, bị cáo đề nghị số tiền 250.000.000đ trừ vào khoản tiền bị cáo bị thu hồi 77.501.550đ, số tiền còn lại trả cho anh Nguyễn Ngọc A. Xét việc đề nghị của bị cáo cần được chấp nhận và xác nhận trong Bản án.

[6] Về xử lý vật chứng:

Tài sản không liên quan đến phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả cho các chủ sở hữu cần xác nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

[8] Các quyết định của cơ quan cảnh sát điều tra; Viện kiểm sát được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều tra viên; Kiểm sát viên, thực hiện việc điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự đã đảm bảo khách quan đúng quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thế D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thế D 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 468 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Thu hồi số tiền 77.501.550đ (Bảy mươi bảy triệu, năm trăm linh một nghìn, năm trăm năm mươi đồng) của bị cáo Bùi Thế D do thu lời bất chính (là khoản tiền lãi dưới 20%) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Thu hồi số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) của anh Nguyễn Ngọc A (là khoản tiền gốc Nguyễn Ngọc A vay của bị cáo Bùi Thế D) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Bùi Thế D phải hoàn trả lại (là khoản tiền lãi vượt quá 20%) cho Nguyễn Ngọc A số tiền 340.998.450đ (Ba trăm bốn mươi triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

Xác nhận bị cáo Bùi Thế D đã nộp 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002095 ngày 11/01/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ để khắc phục hậu quả số tiền thu lời bất chính 77.501.550đ (Bảy mươi bảy triệu, năm trăm linh một nghìn, năm trăm năm mươi đồng) là khoản tiền lãi dưới 20%; Số tiền còn lại 172.498.450đ (Một trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, bốn trăm năm mươi đồng) được trả lại cho anh Nguyễn Ngọc A. Bị cáo Bùi Thế D còn phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Ngọc A số tiền 168.500.000đ (Một trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

Tạm giữ số tiền 172.498.450đ (Một trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, bốn trăm năm mươi đồng) mà bị cáo Bùi Thế D trả cho anh Nguyễn Ngọc A để đảm bảo thi hành án.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án không thi hành, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi xuất quy định theo Điều 357 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành án xong.

[4] Về sử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã trả lại cho chị Lê Thị H 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 037774, BKS: 19B1-505.08 (bản chính) mang tên Lê Thị H; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 037773, BKS: 19B1- 507.89 (bản chính) mang tên Lê Thị H; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu trắng, BKS: 19B1-507.89; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150 i, BKS: 19B1-505.08 theo biên bản trả lại tài sản ngày 24/10/2020;

Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã trả lại cho anh Trần Đại L: 01 giấy chứng nhận (bản chính) đăng ký xe ô tô ngày 21/11/2019 của ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024660, BKS: 19A-170.29 (Bản sao chứng thực) chủ xe là Nguyễn Hùng Mạnh; 01 giấy chứng nhận kiểm định số: 1742533 đối với xe ô tô BKS: 19A-170.29 (Bản chính); 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số: BB200240350, chủ xe là Nguyễn Hùng Mạnh (Bản chính); 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyn Dai i 10, BKS: 19A-170.29 theo biên bản trả lại tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ và anh Trần Đại L ngày 24/10/2020.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Thế D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 8.425.000đ (Tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự. Tổng cộng bị cáo phải nộp 8.625.000đ (Tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án Cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Phòng PC01 Công an tỉnh Phú Thọ;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Người có QLVN liên quan;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Toàn